

**PHỤ LỤC IV. DANH MỤC PHÁP ĐIỀU TRỊ VÀ MÃ PHÁP ĐIỀU TRỊ
THEO Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2025 của Bộ Y tế)

Mã dùng chung	Pháp trị	Mã chuyên môn
(1)	(2)	(3)
6581200	Sơ phong tán hàn	P001
6581201	Sơ phong thanh nhiệt	P002
6581202	Thanh nhiệt giải độc	P003
6581203	Hòa giải thiếu dương	P004
6581204	Sơ can giải uất	P005
6581205	Điều hòa dinh vệ	P006
6581206	Thanh nhiệt	P007
6581207	Dưỡng âm thanh nhiệt	P008
6581208	Tán hàn	P009
6581209	Ôn thông kinh lạc	P010
6581210	Ôn kinh tán hàn	P011
6581211	Tiêu thũng chỉ thống	P012
6581212	Thông lợi tiểu tiện	P013
6581213	Ích khí	P014
6581214	Ích khí thăng đề	P015

6581215	Tư âm nhuận huyết/Tư dưỡng âm huyết	P016
6581216	Tức phong chỉ kinh/Chỉ kinh phong	P017
6581217	Tư âm bổ thận	P018
6581218	Tư âm dưỡng can	P019
6581219	Trừ đàm khai khiếu	P020
6581220	Khai khiếu tỉnh thần	P021
6581221	Hành khí chỉ thống	P022
6581222	Hành khí	P023
6581223	Hành khí hoạt huyết	P024
6581224	Hoạt huyết	P025
6581225	Hoạt huyết hóa ứ/Hoạt huyết tiêu ứ	P026
6581226	Thư cân hoạt lạc	P027
6581227	Thông lạc chỉ thống	P028
6581228	Thông kinh hoạt lạc	P029
6581229	Hoạt huyết thông lạc	P030
6581230	Thanh nhiệt lương huyết	P031
6581231	Ôn kinh chỉ thống	P032
6581232	Bổ khí ích huyết	P033

6581233	Bổ huyết chỉ huyết	P034
6581234	Lương huyết chỉ huyết	P035
6581235	Sơ phong chỉ thống	P036
6581236	Khu phong	P037
6581237	Sơ phong	P038
6581238	Trừ phong	P039
6581239	Trần hỏa tức phong	P040
6581240	Nhuận táo dưỡng phế	P041
6581241	Hóa thấp	P042
6581242	Trừ thấp	P043
6581243	Thanh nhiệt lợi thấp	P044
6581244	Thanh nhiệt trừ thấp	P045
6581245	Lợi thủy	P046
6581246	Lợi thủy thẩm thấp	P047
6581247	Trừ phong thấp	P048
6581248	Khu phong trừ thấp	P049
6581249	Hóa đàm	P050
6581250	Trừ đàm thông lạc	P051

6581251	Hóa đàm tán kết	P052
6581252	Bình can tức phong	P053
6581253	Bình can tiềm dương	P054
6581254	Tư âm tiềm dương	P055
6581255	Dưỡng can cường cân	P056
6581256	Sơ can tiết nhiệt	P057
6581257	Sơ can lý khí	P058
6581258	Thanh can tả hỏa	P059
6581259	Tư âm bổ can	P060
6581260	Dưỡng tâm	P061
6581261	Kiện tỳ	P062
6581262	Hòa tỳ kiện vận	P063
6581263	Tiêu tích lý tỳ	P064
6581264	Ôn trung kiện tỳ	P065
6581265	Tuyên thông phế khí	P066
6581266	Tuyên phế hóa đàm	P067
6581267	Bổ phế	P068
6581268	Ôn bổ phế thận	P069

6581269	Thanh phế	P070
6581270	Chi khái	P071
6581271	Bổ thận ích tủy	P072
6581272	Bổ thận dưỡng âm	P073
6581273	Ôn bổ thận dương	P074
6581274	Bổ thận khí	P075
6581275	Ôn bổ tỳ thận	P076
6581276	Tư bổ can thận	P077

* Đối với các pháp trị tương đương, thay thế nhau bằng dấu gạch xược ("/").